ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ THẠNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5225/QĐ-UBND	*Phú Thạnh, ngày 07 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 13, 23, 34, 35 (các hẻm nhánh), 49, 67 Nguyễn Văn Yến và các hẻm nhánh; cụm hẻm 13, 32, 42, 81, 90 Lương Thế Vinh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ THẠNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 32/2026/TT-BXD ngày 22/6/2026 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 40/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-CTUBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4570/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chuyển đổi theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 4755/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương giữa các cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn (bao gồm điều chỉnh nội bộ) - đợt 5;

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Phú Thạnh về chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 13, 23, 34, 35 (các hẻm nhánh), 49, 67 Nguyễn Văn Yến và các hẻm nhánh; cụm hẻm 13, 32, 42, 81, 90 Lương Thế Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Phú Thạnh về việc sửa đổi một số điều Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Phú Thạnh về chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 13, 23, 34, 35 (các hẻm nhánh), 49, 67 Nguyễn Văn Yến và các hẻm nhánh; cụm hẻm 13, 32, 42, 81, 90 Lương Thế Vinh;

Căn cứ Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 13, 23, 34, 35 (các hẻm nhánh), 49, 67 Nguyễn Văn Yến và các hẻm nhánh; cụm hẻm 13, 32, 42, 81, 90 Lương Thế Vinh do Công ty Cổ phần Khảo sát và Thiết kế xây dựng SaLa thiết kế được Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thành Phát.VN thẩm tra;

Căn cứ Công văn số 2570/KTHTĐT-XD ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Phú Thạnh về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 13, 23, 34, 35 (các hẻm nhánh), 49, 67 Nguyễn Văn Yến và các hẻm nhánh; cụm hẻm 13, 32, 42, 81, 90 Lương Thế Vinh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 2571/TTr-KTHTĐT ngày 25 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 13, 23, 34, 35 (các hẻm nhánh), 49, 67 Nguyễn Văn Yến và các hẻm nhánh; cụm hẻm 13, 32, 42, 81, 90 Lương Thế Vinh với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 13, 23, 34, 35 (các hẻm nhánh), 49, 67 Nguyễn Văn Yến và các hẻm nhánh; cụm hẻm 13, 32, 42, 81, 90 Lương Thế Vinh.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại dự án: Công trình giao thông - đường trong đô thị.

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Cấp công trình: IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình: 10 năm.

3. Mã định danh: Không có.

4. Địa điểm xây dựng: phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Diện tích sử dụng đất của dự án: 6.132,67m^2.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Thạnh.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Phú Thạnh.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Khảo sát và Thiết kế xây dựng SaLa, mã số doanh nghiệp 0313617792.

8. Mục tiêu: Đầu tư sửa chữa, nâng cấp mặt đường, làm mới hệ thống thoát nước góp phần thực hiện hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới giao thông và công trình hạ tầng của khu vực để thúc đẩy quá trình phát triển tiềm năng kinh tế, văn hóa trong khu vực dự án; tạo mỹ quan đô thị và bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô xây dựng

Dự án Sửa chữa, nâng cấp cụm hẻm 13, 23, 34, 35 (các hẻm nhánh), 49, 67 Nguyễn Văn Yến và các hẻm nhánh; cụm hẻm 13, 32, 42, 81, 90 Lương Thế Vinh thuộc phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có tổng chiều dài khoảng 1.382,21m, diện tích sử dụng đất 6.132,67m^2. Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng. Gồm các tuyến đường, hẻm sau:

a) Nhánh 1: Hẻm 13 Nguyễn Văn Yến giới hạn từ đường Nguyễn Văn Yến đến hẻm 9 Tô Hiệu.

- Chiều dài tuyến: 93,79m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 1,98m - 4,46m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông xi măng rộng từ 1,98m - 4,46m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600 và hầm ga.

b) Nhánh 2: Hẻm 23 Nguyễn Văn Yến giới hạn từ đường Nguyễn Văn Yến đến cuối hẻm.

- Chiều dài tuyến: 74,28m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 1,66m - 2,91m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông xi măng rộng từ 1,66m - 2,91m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600 và hầm ga.

c) Nhánh 3: Hẻm 35 Nguyễn Văn Yến giới hạn từ đường Nguyễn Văn Yến đến hẻm 9 Tô Hiệu.

- Chiều dài tuyến: 98,74m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 4,09m - 5,34m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa rộng từ 3,39m - 4,64m.

- Bó vỉa 0,35m x 2 bên.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600, cống ngang Ø400 và hầm ga.

d) Nhánh 4: Hẻm 35/3 Nguyễn Văn Yến giới hạn từ hẻm 35 Nguyễn Văn Yến đến hẻm 23 Nguyễn Văn Yến.

- Chiều dài tuyến: 17,24m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 3,23m - 3,62m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông xi măng rộng từ 3,23m - 3,62m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600 và hầm ga.

e) Nhánh 5: Hẻm 35/14 Nguyễn Văn Yến giới hạn từ hẻm 35 Nguyễn Văn Yến đến cuối hẻm.

- Chiều dài tuyến: 43,92m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 1,75m - 2,31m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông xi măng rộng từ 1,75m - 2,31m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600 và hầm ga.

f) Nhánh 6: Hẻm 35/30 Nguyễn Văn Yến giới hạn từ hẻm 35 Nguyễn Văn Yến đến hẻm 49 Nguyễn Văn Yến.

- Chiều dài tuyến: 32,93m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 3,66m - 3,78m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa rộng từ 2,96m - 3,08m.

- Bó vỉa 0,35m x 2 bên.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600, cống ngang Ø400 và hầm ga.

g) Nhánh 7: Hẻm 34 Nguyễn Văn Yến giới hạn từ đường Nguyễn Văn Yến đến cuối hẻm.

- Chiều dài tuyến: 51,23m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 3,46m - 4,72m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa rộng từ 2,76m - 4,02m.

- Bó vỉa 0,35m x 2 bên.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600, cống ngang Ø400 và hầm ga.

h) Nhánh 8: Hẻm 49 Nguyễn Văn Yến giới hạn từ đường Nguyễn Văn Yến đến hẻm 35/30 Nguyễn Văn Yến.

- Chiều dài tuyến: 89,5m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 1,52m - 5,57m.

● Hẻm 49 Nguyễn Văn Yến đoạn 1 giới hạn từ đường Nguyễn Văn Yến đến nhà số 49/2 Nguyễn Văn Yến:

- Chiều dài tuyến: 17m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông xi măng rộng từ 1,52m - 2,00m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø400 và hầm ga.

● Hẻm 49 Nguyễn Văn Yến đoạn 2 giới hạn từ nhà số 49/2 Nguyễn Văn Yến đến hẻm 35/30 Nguyễn Văn Yến:

- Chiều dài tuyến: 72,5m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa rộng từ 1,23m - 4,87m.

- Bó vỉa 0,35m x 2 bên.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600, cống ngang Ø400 và hầm ga.

i) Nhánh 9: Hẻm 49/34 Nguyễn Văn Yến giới hạn từ đường Nguyễn Văn Yến đến cuối hẻm (bao gồm hẻm nhánh thông ra hẻm 149 Lý Thánh Tông).

- Chiều dài tuyến: 75,07m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 1,55m - 2,42m.

- Làm mới mặt đường bê tông xi măng rộng từ 1,55m - 2,42m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600 và hầm ga.

j) Nhánh 10: Hẻm 67 Nguyễn Văn Yến giới hạn từ đường Nguyễn Văn Yến đến đường 5A.

- Chiều dài tuyến: 97,00m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 6,08m - 9,26m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa rộng từ 4,24m - 5,38m.

- Bó vỉa 0,6m x 2 bên.

- Vỉa hè gạch terazo rộng từ 0,0m - 1,80m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø800, cống ngang Ø400 và hầm ga.

k) Nhánh 11: Hẻm 67/8 Nguyễn Văn Yến giới hạn từ hẻm 67 Nguyễn Văn Yến đến cuối hẻm.

- Chiều dài tuyến: 61,18m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 6,0m - 10,71m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa rộng từ 4,80m – 9,51m.

- Bó vỉa 0,6m x 2 bên.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600, cống ngang Ø400 và hầm ga.

l) Nhánh 12: Hẻm 67/16 Nguyễn Văn Yến giới hạn từ hẻm 67 Nguyễn Văn Yến đến cuối hẻm.

- Chiều dài tuyến: 71,99m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 8,0m - 8,52m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa rộng từ 5,95m - 7,00m.

- Bó vỉa 0,6m x 2 bên.

- Vỉa hè gạch terazo rộng từ 0,0m - 1,04m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600, cống ngang Ø400 và hầm ga.

m) Nhánh 13: Hẻm 13/1 Lương Thế Vinh giới hạn từ hẻm 13 Lương Thế Vinh đến hẻm 1 Lương Thế Vinh.

- Chiều dài tuyến: 40,93m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 2,70m - 3,00m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông xi măng rộng từ 2,70m - 3,00m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600 và hầm ga.

n) Nhánh 14: Hẻm 13/10 Lương Thế Vinh giới hạn từ hẻm 13 Lương Thế Vinh đến cuối hẻm.

- Chiều dài tuyến: 48,17m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 3,60m - 4,70m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông xi măng rộng từ 3,60m - 4,70m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600 và hầm ga.

o) Nhánh 15: Hẻm 13/14 Lương Thế Vinh giới hạn từ hẻm 13 Lương Thế Vinh đến cuối hẻm.

- Chiều dài tuyến: 37,09m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 2,70m - 3,60m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông xi măng rộng từ 2,70m - 3,60m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600 và hầm ga.

p) Nhánh 16: Hẻm 13/18 Lương Thế Vinh giới hạn từ hẻm 13 Lương Thế Vinh đến cuối hẻm.

- Chiều dài tuyến: 37,50m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 2,90m - 3,30m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông xi măng rộng từ 2,90m - 3,30m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600 và hầm ga.

q) Nhánh 17: Hẻm 32 Lương Thế Vinh giới hạn từ đường Lương Thế Vinh đến cuối hẻm.

- Chiều dài tuyến: 75,51m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 4,60m - 7,20m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa rộng từ 3,90m - 6,5m.

- Bó vỉa 0,35m x 2 bên.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600, cống ngang Ø400 và hầm ga.

r) Nhánh 18: Hẻm 42 Lương Thế Vinh giới hạn từ đường Lương Thế Vinh đến cuối hẻm.

- Chiều dài tuyến: 107,62m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 4,30m - 5,10m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa rộng từ 3,60m - 4,4m.

- Bó vỉa 0,35m x 2 bên.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600, cống ngang Ø400 và hầm ga.

s) Nhánh 19: Hẻm 81 Lương Thế Vinh giới hạn từ đường Lương Thế Vinh đến đường Lương Thế Vinh.

- Chiều dài tuyến: 118,02m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 3,90m - 5,10m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa rộng từ 3,20m - 4,4m.

- Bó vỉa 0,35m x 2 bên.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600, cống ngang Ø400 và hầm ga.

t) Nhánh 20: Hẻm 90 Lương Thế Vinh giới hạn từ đường Lương Thế Vinh đến hẻm 40 Tô Hiệu.

- Chiều dài tuyến: 71,90m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 3,56m - 5,44m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa rộng từ 2,86m - 4,74m.

- Bó vỉa 0,35m x 2 bên.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600, cống ngang Ø400 và hầm ga.

u) Nhánh 21: Hẻm 90/3 Lương Thế Vinh giới hạn từ hẻm 90 Lương Thế Vinh đến cuối hẻm.

- Chiều dài tuyến: 38,60m.

- Chỉ giới xây dựng theo bề rộng hiện trạng từ 1,80m - 2,0m.

- Nâng cấp mặt đường bê tông xi măng rộng từ 1,80m - 2,0m.

- Xây dựng mới hệ thống thoát nước cống dọc Ø600 và hầm ga.

9.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu

a) Thiết kế kết cấu áo đường:

- Kết cấu áo đường bê tông nhựa nâng cấp từ trên xuống: (Hẻm 35 Nguyễn Văn Yến, hẻm 35/30 Nguyễn Văn Yến, hẻm 49 Nguyễn Văn Yến đoạn 2, hẻm 67 Nguyễn Văn Yến, hẻm 67/8 Nguyễn Văn Yến, hẻm 67/16 Nguyễn Văn Yến).

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 12,5 dày 5cm, $K \geq 0,98$.

+ Tưới dính bám nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m^2.

+ Bù vênh bê tông nhựa chặt 12,5, $K \geq 0,98$.

+ Tưới dính bám nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m^2.

+ Vệ sinh mặt đường hiện hữu.

- Kết cấu áo đường bê tông nhựa tái lập từ trên xuống: (Hẻm 35 Nguyễn Văn Yến, 35/30 Nguyễn Văn Yến, hẻm 49 Nguyễn Văn Yến đoạn 2, hẻm 67 Nguyễn Văn Yến, hẻm 67/8 Nguyễn Văn Yến, hẻm 67/16 Nguyễn Văn Yến).

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 12,5 dày 5cm, $K \geq 0,98$.

+ Tưới dính bám nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m^2.

+ Bù vênh bê tông nhựa chặt 12,5, $K \geq 0,98$.

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 12,5 dày 5cm đến cao độ hiện trạng, $K \geq 0,98$.

+ Tưới thấm bám nhũ tương CSS-1H, tiêu chuẩn 1kg/m^2.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, dày 12,5cm, $K \geq 0,98$.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, dày 12,5cm, $K \geq 0,98$.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, dày 15cm, $K \geq 0,98$.

+ Trải vải địa kỹ thuật $R \geq 14KN/m$.

+ Nền đào (hoặc đắp cát) đầm chặt, $K \geq 0,98$.

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa làm mới từ trên xuống: (Hẻm 34 Nguyễn Văn Yến, hẻm 32 Lương Thế Vinh, hẻm 42 Lương Thế Vinh, 81 Lương Thế Vinh, hẻm 90 Lương Thế Vinh).

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 12,5 dày 7cm, K ≥ 0,98.

+ Tưới thấm bám nhũ tương CSS-1H, tiêu chuẩn 1kg/m^2.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, dày 12,5cm, K ≥ 0,98.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, dày 12,5cm, K ≥ 0,98.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, dày 15cm, K ≥ 0,98.

+ Nền đào (hoặc đắp cát) đầm, K ≥ 0,98.

- Kết cấu mặt đường bê tông xi măng làm mới từ trên xuống: (Hẻm 13 Nguyễn Văn Yến, hẻm 23 Nguyễn Văn Yến, hẻm 35/3 Nguyễn Văn Yến, hẻm 35/14 Nguyễn Văn Yến, hẻm 49 Nguyễn Văn Yến đoạn 1, hẻm 49/34 Nguyễn Văn Yến, hẻm 13/1 Lương Thế Vinh, hẻm 13/10 Lương Thế Vinh, hẻm 13/14 Lương Thế Vinh, hẻm 13/18 Lương Thế Vinh, hẻm 90/3 Lương Thế Vinh).

+ Trải cán bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 14cm.

+ Trải 1 lớp giấy dầu ngăn cách.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, K ≥ 0,98.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, K ≥ 0,98.

+ Nền đường đầm chặt, K ≥ 0,95.

- Kết cấu áo đường vuốt nối từ trên xuống:

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 12,5 dày trung bình 5cm, K ≥ 0,98.

+ Tưới dính bám nhũ tương CRS–1, tiêu chuẩn 0,5kg/m^2.

+ Vệ sinh mặt đường hiện hữu.

b) Thiết kế vỉa hè, bó vỉa:

- Hẻm 67 Nguyễn Văn Yến, hẻm 67/16 Nguyễn Văn Yến: xây dựng bó vỉa, vỉa hè theo bề rộng hiện trạng; kết cấu bó vỉa, vỉa hè tuân thủ theo Quyết định số 1762/QĐ-SGTVT ngày 18/6/2009 của Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh (vỉa hè loại 2 và bó vỉa loại 6).

- Hẻm 67/8 Nguyễn Văn Yến, xây dựng bó vỉa theo bề rộng hiện trạng; kết cấu bó vỉa tuân thủ theo Quyết định số 1762/QĐ-SGTVT ngày 18/6/2009 của Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh (bó vỉa loại 6).

- Hẻm 35 Nguyễn Văn Yến, hẻm 35/30 Nguyễn Văn Yến, hẻm 34 Nguyễn Văn Yến, hẻm 49 Nguyễn Văn Yến đoạn 2, hẻm 32 Lương Thế Vinh, hẻm 42 Lương Thế Vinh, hẻm 81 Lương Thế Vinh, hẻm 90 Lương Thế vinh: xây dựng bó vỉa 0,35m M300.

c) Thiết kế hệ thống thoát nước:

- Hẻm 13 Nguyễn Văn Yến, hẻm 23 Nguyễn Văn Yến, hẻm 35/3 Nguyễn Văn Yến, hẻm 35/14 Nguyễn Văn Yến, hẻm 49/34 Nguyễn Văn Yến, hẻm 13/1 Lương Thế Vinh, hẻm 13/10 Lương Thế Vinh, hẻm 13/14 Lương Thế Vinh, hẻm 13/18 Lương Thế Vinh, hẻm 90/3 Lương Thế Vinh: Xây dựng tuyến cống dọc thoát nước đi dưới lòng đường với khẩu độ Ø600 và hầm ga.

- Hẻm 35 Nguyễn Văn Yến, hẻm 35/30 Nguyễn Văn Yến, hẻm 34 Nguyễn Văn Yến, hẻm 49 Nguyễn Văn Yến đoạn 2, hẻm 67/8 Nguyễn Văn Yến, hẻm 67/16 Nguyễn Văn Yến, hẻm 32 Lương Thế Vinh, hẻm 42 Lương Thế Vinh, hẻm 81 Lương Thế Vinh, hẻm 90 Lương Thế Vinh: Xây dựng tuyến cống dọc thoát nước đi dưới lòng đường với khẩu độ Ø600 và cống ngang Ø400 và hầm ga.

- Hẻm 49 Nguyễn Văn Yến đoạn 1: Xây dựng tuyến cống dọc thoát nước đi dưới lòng đường với khẩu độ Ø400 và hầm ga.

- Hẻm 67 Nguyễn Văn Yến: Xây dựng tuyến cống dọc thoát nước đi dưới lòng đường với khẩu độ Ø800, cống ngang Ø400 và hầm ga.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- QCVN 07-2:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình thoát nước.

- QCVN 07-4:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình giao thông đô thị.

- QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- TCVN 5573: 2025: Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu khối xây.

- TCVN 4054:2005: Tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô.

- TCVN 9113:2012: Tiêu chuẩn ống bê tông cốt thép thoát nước.

- TCVN 5574:2018: Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.

- TCVN 5575: 2024: Tiêu chuẩn thiết kế Kết cấu thép.

- TCVN 13592:2022: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 7957:2023: Tiêu chuẩn Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế.

- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát.

- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

- Quyết định số 1762/QĐ-SGTVT ngày 18/6/2009 của Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về thực hiện công tác đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang, quản lý vỉa hè và tăng mảng xanh, cây xanh đường phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn số 14437/SXD-HTKT ngày 19/9/2023 của Sở Xây dựng về việc Hướng dẫn áp dụng thiết kế điển hình, thiết kế mẫu các loại cấu kiện thoát nước trên địa bàn thành phố.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: 14.343.823.416 đồng *(Bằng chữ: Mười bốn tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu tám trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm mười sáu đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	11.944.845.553 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	320.457.367 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.136.689.759 đồng
- Chi phí khác:	258.791.526 đồng
- Dự phòng phí:	683.039.211 đồng

12. Thời gian thực hiện dự án: năm 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): không.

16. Các nội dung khác (nếu có): không.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Tổ chức triển khai thực hiện nâng cấp, sửa chữa công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì xây dựng, giám sát đánh giá đầu tư và các quy định khác liên quan.

Chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, phù hợp số liệu, kết quả tính khảo sát, thiết kế kết cấu công trình trong hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã trình thẩm định, phê duyệt.

Trước khi triển khai thi công, đánh giá lựa chọn biện pháp thi công hợp lý theo điều kiện thực tế công trình để tiết kiệm và an toàn công trình và công trình lân cận; cập nhật số liệu hiện trạng thực tế công trình để kiểm tra đối chiếu lại hồ sơ thiết kế và có phương án xử lý, xác định khối lượng thực tế thi công.

Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát và tuân thủ quy định đối với công tác đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn điện, phòng cháy chữa cháy tại khu vực thi công từ khi khởi công đến kết thúc dự án, thời gian bảo hành công trình.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành địa phương, các đơn vị quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các chủ đầu tư dự án có ảnh hưởng đến công trình,... từ giai đoạn thi công đến kết thúc dự án đảm bảo thực hiện đồng bộ và an toàn của kết cấu hệ thống hạ tầng kỹ thuật, an toàn công trình lân cận; kiểm soát các bất cập về công tác thi công trên đường bộ đang khai thác. Phối hợp với Ban giám sát cộng đồng địa phương thực hiện đầy đủ nội dung giám sát đầu tư xây dựng dự án.

2. Thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ và hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý chất thải.

3. Trong quá trình thực hiện, điều hành dự án nếu có những thay đổi, vướng mắc vượt quá thẩm quyền thì phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Mọi sự thay đổi cần thiết phải được trình duyệt, bổ sung theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- UBND/P (CT, các PCT);
- VP.HĐND-UBND/P (PCVP);
- Phòng GD số 7 - KBNN Khu vực 2;
- Lưu: VT, P.KTHTĐT.

CHỦ TỊCH

Trương Tiến Triển